

Phần Thứ Ba Mười Sáu: XỬ CỦA TÁM GIẢI THOÁT

Tám giải thoát: Sắc quán sắc là giải thoát đầu tiên, nội không có tướng sắc, quán sắc ngoại là hai giải thoát, tịnh giải thoát, thân tác chứng, thành tựu chỗ du hóa là ba giải thoát.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối, không nhớ nghĩ đến tướng xen lẫn, vô lượng không, là vô lượng Không xứ, thành tựu chỗ du hóa là bốn giải thoát.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng Không xứ, vô lượng thức là vô lượng Thức xứ, thành tựu chỗ du hóa là năm giải thoát.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng Thức xứ, Vô sở hữu xứ, thành tựu chỗ du hóa là sáu giải thoát.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, Phi tướng, Phi bất tướng, thành tựu chỗ du hóa là bảy giải thoát.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tướng, Phi bất tướng xứ, chánh thọ tướng diệt, thân tác chứng, thành tựu chỗ du hóa là tám giải thoát.

Hỏi: Tám giải thoát có tánh gì?

Đáp: Ba giải thoát đầu có tánh không tham. Vô lượng không xứ, vô lượng Thức xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng, phi bất tướng xứ đều có tánh bốn ấm. Giải thoát của tướng diệt, có tánh của bất tướng ứng hành ấm.

Giới: ba giải thoát đầu, lệ thuộc cõi Dục, cũng lệ thuộc cõi Sắc: giải thoát của vô lượng Không xứ, giải thoát của vô lượng Thức xứ và giải thoát của Vô sở hữu xứ, hoặc lệ thuộc ở cõi Vô Sắc, hoặc không lệ thuộc. Giải thoát của Phi tướng phi bất tướng, tướng diệt, lệ thuộc cõi Vô Sắc.

Địa: hai giải thoát đầu: Là địa Sơ thiên, địa Nhị thiên. Tịnh giải thoát: Là bốn thiên căn bản. Giải thoát của vô lượng Không xứ tức là địa Không xứ, giải thoát của vô lượng Thức xứ tức là địa vô lượng Thức xứ, giải thoát của vô sở hữu xứ tức là địa vô sở hữu xứ, giải thoát của Phi tướng, phi bất tướng, tướng diệt, tức là địa Phi tướng, phi bất tướng xứ.

Chỗ dựa: ba giải thoát đầu đều dựa vào cõi Dục, giải thoát của vô lượng Không xứ cho đến giải thoát của Phi tướng, phi bất tướng xứ, đều nương vào ba cõi, giải thoát của tướng diệt dựa vào cõi Dục, cõi Sắc.

Hành: Hai giải thoát đầu là hành bất tịnh, giải thoát của tịnh là hành tịnh: Giải thoát của vô lượng Không xứ, giải thoát của vô lượng Thức xứ. Giải thoát của vô sở hữu xứ, hoặc là mười sáu hành, hoặc là

mười sáu hành. Giải thoát của Phi tướng, phi bất tướng xứ, tướng diệt là lìa hành.

Duyên: Ba giải thoát đầu, duyên sắc ấm, giải thoát của Không xứ, cho đến giải thoát của Phi tướng phi bất tướng duyên bốn đế, giải thoát của tướng diệt: Thì không duyên.

Ý chỉ: ba giải thoát đầu có thân ý chỉ, giải thoát của Không xứ, cho đến giải thoát của Phi tướng phi bất tướng có ba ý chỉ. Giải thoát của tướng diệt, có pháp ý chỉ.

Trí: ba giải thoát đầu tuy là tánh không phải trí, nhưng tương ứng với đẳng trí, giải thoát của Không xứ, cho đến giải thoát của Vô sở hữu xứ, hoặc sáu trí, hoặc không phải. Giải thoát của Phi tướng, phi bất tướng có một đẳng trí. Giải thoát của tướng diệt, không phải trí.

Định: tánh của ba giải thoát đầu chẳng phải định, cũng chẳng phải tương ứng với định. Giải thoát của Không xứ, cho đến giải thoát của Vô sở hữu xứ, hoặc định, hoặc lìa. Giải thoát của Phi tướng, phi bất tướng, giải thoát của tướng diệt chẳng phải định.

Thống (thọ): hai giải thoát đầu tương ứng với hai căn: Hỷ căn, hộ (xả) căn. Giải thoát của tịnh cho đến giải thoát của Phi tướng, phi bất tướng, tương ứng với một hộ (xả) căn. Giải thoát của tướng diệt không tương ứng với thống (thọ).

Hỏi: Nên nói là quá khứ, hay nói là vị lai, hay nói là hiện tại?

Đáp: Nên nói quá khứ, nên nói vị lai, nên nói hiện tại.

Hỏi: Nên nói duyên của quá khứ hay duyên của vị lai, hay duyên của hiện tại? Hay nói không phải duyên của thế gian chăng?

Đáp: Bấy giải thoát, nên nói là duyên quá khứ, nên nói là duyên vị lai, nên nói là duyên hiện tại, nên nói không phải duyên thế gian, giải thoát của tướng diệt, nên nói không phải duyên.

Hỏi: Nên nói là duyên ý mình, hay nói là duyên ý người, hay nói là không phải duyên ý?

Đáp: Bấy giải thoát, nên nói là duyên ý mình, nên nói là duyên ý người, và nên nói không phải duyên ý, giải thoát của tướng diệt, nên nói không phải duyên.

Hỏi: Nên nói duyên danh hay nói duyên nghĩa?

Đáp: Bấy giải thoát, nên nói là duyên danh, nên nói là duyên nghĩa, giải thoát của tướng diệt, nên nói không phải duyên. Đây là tánh giải thoát, đã gieo trồng chủng tướng tất cả tự nhiên.

Đã nói tánh xong, sẽ nói về hành:

Hỏi: Vì sao nói giải thoát? Giải thoát có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa không hưởng đến cửa là nghĩa giải thoát.

Hỏi: Nếu không hưởng đến cửa là nghĩa giải thoát, thì giải thoát cái gì? Đối với việc nào không hưởng đến cửa?

Đáp: Hai giải thoát đầu đối với sắc dục, không hưởng về cửa, giải thoát của tịnh, bất tịnh không hưởng đến cửa giải thoát. Không xứ cho đến giải thoát của phi tưởng, phi bất tưởng xứ, địa dưới nối tiếp nhau không hưởng đến cửa. Giải thoát của tưởng diệt có hai sự không hưởng đến cửa:

1. Tâm diệt hẳn.
2. Không hưởng đến cửa.

Tâm diệt hẳn: Đoạn tất cả tâm, không hưởng đến cửa: Không hưởng đến nối tiếp tất cả các cộng duyên.

Hỏi: Như đã nói: Trong không có tưởng sắc, quán sắc ngoài: Nếu khi trong không có tưởng sắc, tức quán sắc ngoài, hay vì quán sắc ngoài, không phải trong, không có tưởng sắc? Nếu khi trong không có tưởng sắc tức quán sắc ngoài, thì đâu thể không cùng một lúc có hai thứ tâm? Nếu cùng một lúc có hai thứ tâm, thì đâu được không phá tâm? Nếu đã phá bỏ tâm, thì đâu được không có vô lượng tâm? Nếu quán sắc ngoài, không phải trong không có tưởng sắc ấy, làm sao hiểu được Khế kinh này, trong kinh này nói: Trong không có tưởng sắc, quán sắc ngoài, soạn luận này xong, đáp: Quán sắc ngoài không có trong không có tưởng sắc.

Hỏi: Nếu quán sắc ngoài không có trong không có tưởng sắc, làm sao hiểu được Khế kinh này, như nói: Trong ấy nói trong không có tưởng sắc, quán sắc ngoài?

Đáp: Khế kinh này nói: Căn thiện và phương tiện của căn thiện. Nếu nói trong không có tưởng sắc, là căn thiện kia. Phương tiện quán sắc ngoài: Đây là gốc lành căn bản.

Hoặc nói: Ở đây nói so sánh trước là chấp phân biệt. Hành giả kia so sánh với trước là chấp phân biệt rồi, như trong ngã không có tưởng sắc, phải quán sắc ngoài, cho nên nói trong không có tưởng sắc, quán sắc ngoài.

Hỏi: Tưởng bất tịnh của hành giả kia đã hết, có phải là cảnh giới sắc nhập của cõi Dục hay không? Nếu tưởng bất tịnh của hành giả kia đã hết, là cảnh giới sắc nhập của cõi Dục ấy, thì với Khế kinh của Tôn giả A-na-luật, làm sao hiểu được, như nói: Tôn giả A-na-luật đi dạo trong rừng, bấy giờ, có bốn thiên nữ hóa thành bốn cô gái đẹp, đến chỗ Tôn giả A-na-luật, lễ dưới chân Tôn giả A-na-luật, đứng qua một bên,

bạch Tôn giả A-na-luật rằng: Bạch Tôn giả A-na-luật! Bốn thiên nữ đẹp chúng tôi đều được tự tại đối với bốn việc. Bốn việc đó là: sắc trời, y phục trời, trang sức trời, nhạc trời! Thưa Tôn giả! Bốn thiên nữ đẹp chúng tôi, nếu ý đã muốn thì sẽ hóa ra bốn việc của trời, năm dục của trời, v.v..., để cùng chung vui!

Tôn giả A-na-luật nghĩ rằng: Nay ta đâu thể ở địa Tứ thiên, mà để cho tướng bất tịnh hiện ở trước rồi mới quán bất tịnh? Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật nghĩ thế rồi, tướng bất tịnh của địa Tứ thiên liền hiển hiện ở trước, bèn quán sự bất tịnh của bốn thiên nữ đẹp, cuối cùng, đối với bất tịnh không thể hiểu được.

Lúc đó, Tôn giả A-na-luật bảo bốn thiên nữ đẹp: Các cô thử có màu xanh.

Bốn thiên nữ hỏi: Vì sao?

Tôn giả A-na-luật bảo bốn thiên nữ đẹp: Các cô đều có màu xanh phải không?

Đáp vâng.

Tôn giả A-na-luật nghĩ rằng: Màu này rất đẹp, nếu đều đồng một màu, thì đối với bất tịnh sẽ được hiểu!

Bấy giờ, bốn thiên nữ đẹp nghe Tôn giả A-na-luật bảo xong, đều hóa thành màu xanh, đến cưỡi đừa, ca múa trước Tôn giả. Đối với bất tịnh, Tôn giả cũng vẫn không hiểu. Tôn giả lại bảo: Các cô đều tạo ra màu vàng, màu đỏ xem!

Bốn thiên nữ hỏi: Vì sao?

Tôn giả A-na-luật bảo bốn thiên nữ đẹp: Các cô thử hóa ra màu vàng, đều thành màu đỏ xem!

Xin vâng!

Tôn giả A-na-luật nghĩ rằng: Khi quán duyên hành, hoặc từ bất tịnh được hiểu!

Lúc ấy, bốn thiên nữ đẹp nghe Tôn giả A-na-luật dạy xong, đều hóa thành màu vàng, đều hóa thành màu đỏ, rồi đến trước Tôn giả múa ca, cưỡi đừa.

Tôn giả A-na-luật đối với bất tịnh cũng vẫn không hiểu.

Tôn giả A-na-luật lại bảo các cô đều hóa ra màu trắng.

Vì sao? Các thiên nữ hỏi

Tôn giả A-na-luật bảo bốn thiên nữ đẹp: Các cô đều tạo ra màu trắng thử xem!

Đáp vâng!

Tôn giả A-na-luật nghĩ rằng: Sắc trắng này khi quán bất tịnh rất

tùy thuận. Nếu tạo thành màu trắng, thì đôi khi đối với bất tịnh sẽ được hiểu.

Khi ấy, bốn thiên nữ đẹp nghe Tôn giả A-na-luật bảo xong, đều hóa ra màu trắng, đến trước Tôn giả ca múa, cười đùa. Đối với bất tịnh, Tôn giả vẫn không hiểu. Tôn giả nghĩ rằng: Sắc của bốn Thiên nữ này thật là vi diệu! Nghĩ đoạn, liền đóng bít các căn. Nếu tướng bất tịnh kia hết thì chính là cảnh giới sắc nhập của cõi Dục, với Khế kinh này nói, làm sao giải thích?

Đáp: Tôn giả A-na-luật dù đối với tướng bất tịnh không được hiểu, nhưng người có căn cơ nhạy bén, đối với bất tịnh, có thể hiểu được, như Phật, Bích-chi-Phật, Thanh văn có thể vượt qua không giới hạn.

Hỏi: Đối với thân Phật, có thể hiểu bất tịnh hay không?

Đáp: Thân Phật rất vi diệu, rất tốt đẹp. Các người đã chứng được tướng bất tịnh đều đến quán bất tịnh đối với thân Phật. Cuối cùng, không thể quán bất tịnh được ngón chân của Phật, hướng chi là đối với gương mặt tuyệt đẹp của Phật mà quán được bất tịnh? Chỉ có Phật quán Phật, mới có thể hiểu được bất tịnh mà thôi.

Lại có thuyết nói: Tướng bất tịnh có hai thứ:

1. Quán tướng riêng.
2. Quán tướng chung.

Quán tướng riêng: Cuối cùng, không thể hiểu bất tịnh đối với thân Phật.

Quán tướng chung: Đôi khi có thể hiểu bất tịnh đối với thân Phật.

Lại có hai thứ tướng bất tịnh:

1. Sắc hư hoại.
2. Sắc hồng nát do duyên hành.

Tướng bất tịnh: Cuối cùng, không thể hiểu bất tịnh đối với thân Phật.

Tướng bất tịnh của duyên hành: hoặc có thể hiểu bất tịnh đối với thân Phật.

Hỏi: Giải thoát thanh tịnh là vì sắc quán sắc hay vì trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài? Nếu sắc quán sắc, thì sự giải thoát ban đầu kia và giải thoát thứ ba có gì khác nhau? Nếu trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài, thì hai giải thoát kia và giải thoát thứ ba đâu có khác nhau? Soạn luận này xong, đáp: Giải thoát thanh tịnh: Trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài.

Hỏi: Nếu giải thoát thanh tịnh, trong không có tướng sắc, quán sắc ngoài thì hai giải thoát và ba giải thoát đâu có khác nhau?

Đáp: Danh tức là khác nhau. Hai giải thoát này, ba giải thoát này về địa cũng có khác nhau. Hai giải thoát là địa Sơ thiên, Nhị thiên. Giải thoát tịnh là địa Tứ thiên căn bản. Trừ bệnh cũng có sự khác nhau.

Hai giải thoát: trừ dục cõi Sắc. Giải thoát thanh tịnh là trừ bất tịnh.

Hoặc nói: Hai giải thoát là duyên quán bất tịnh, không khởi kiết. Giải thoát tịnh là duyên quán tịnh, cũng không khởi kiết. Duyên quán bất tịnh, không khởi kiết: Điều này không có gì kỳ lạ. Duyên quán tịnh không khởi kiết, điều này mới kỳ lạ và là điểm khác nhau giữa hai giải thoát đầu và giải thoát thứ ba.

Hỏi: Ở đây nói giải thoát tịnh rất vi diệu, duyên cũng rất vi diệu. Vì sao nói giải thoát tịnh rất vi diệu, duyên cũng rất vi diệu?

Đáp: Vì giải thoát tịnh này, người thường không thể đạt được, chỉ là sự thanh tịnh thuần khiết, là tự hỷ. Như người từ cõi trời xuống, người ấy mới có khả năng đạt được. Như nói: Có vị Tỳ-kheo lạ đến chỗ Thế Tôn, lễ dưới chân Đức Thế Tôn, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn vì Tỳ-kheo ấy nói pháp vi diệu, khuyên tinh tiến, đồng khuyên tinh tiến, dùng vô lượng phương tiện, đồng khuyên tinh tiến rồi yên lặng.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nghe Thế Tôn nói pháp, trong tâm vui mừng, liền đứng dậy, vén y bày vai phải, chấp tay hướng về Thế Tôn, bạch rằng: Kính mong Thế Tôn ban cho con nơi chốn! Lúc đó, Tôn giả A-nan ở phía sau Thế Tôn, tay cầm quạt, quạt Thế Tôn. Lúc ấy, Đức Thế Tôn quay lại bảo A-nan: Ông hãy vì Tỳ-kheo khách này mà dọn một căn phòng để khách nghỉ qua đêm! Vâng thưa Thế Tôn. Vâng lời Thế Tôn dạy, Tôn giả A-nan dọn một phòng cho vị Tỳ-kheo ấy, lúc đó Tỳ-kheo khách bạch với Tôn giả A-nan: Tôn giả A-nan hãy vì tôi rưới quét căn phòng này cho thật sạch, dọn bỏ các thứ ế tạp, treo phướn lọng, lụa, đốt các thứ hương, rải các thứ hoa, đặt một chiếc giường thật rộng, trải nệm thật êm!

Tôn giả A-nan nghe Tỳ-kheo khách căn dặn xong, đến bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn! Đến tối mịt mới đến mà vị Tỳ-kheo kia bảo con rằng: Lệnh cho Tôn giả A-nan hãy vì tôi mà rưới quét căn phòng này cho thật sạch, dọn bỏ các thứ ế tạp, treo phướn lọng lụa, đốt các danh hương, rải các thứ hoa, đặt chiếc giường thật rộng, có trải nệm thật êm!

Đức Thế Tôn nói: A-nan! Ông hãy nhanh chóng vì Tỳ-kheo khách kia mà làm y như lời thầy ấy đã nói.

Tôn giả A-nan, thường được vua Ba-tư-nặc thỉnh cúng dường. Giờ

đây, vâng lời Thế Tôn dạy, Tôn giả A-nan đến cung vua Ba-tư-nặc để lấy các thứ dụng cụ về rưới quét căn phòng kia, dọn bỏ các uestạp, treo phướn lọng lụa, đốt các thứ hương, rải các thứ hoa, đặt chiếc giường rộng lớn, trải nệm thật êm, Tôn giả A-nan đặt bầy đầy đủ, xong rồi trở lại phòng mình nghỉ ngơi.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo khách kia ở trong phòng. Ngay đêm đó phát giải thoát thanh tịnh, tác chứng ba minh, được sáu thần thông, thuận, nghịch đối với tám giải thoát, sáng sớm dùng thần túc bay lên hư không mà đi. Đến sáng, Tôn giả A-nan đến phòng ấy xem thì thấy căn phòng trống trơn, không thấy Tỳ-kheo khách đâu cả.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, bạch: Bạch Thế Tôn! Tối qua, vị Tỳ-kheo khách đã bảo con phải trang hoàng như thế, nay lại bỏ phòng trống mà đi.

Đức Thế Tôn bảo: A-nan! Ông chớ hiểu lầm Tỳ-kheo khách kia. Vì sao? Nay A-nan! Tỳ-kheo khách kia ở trong phòng, tức ngay đêm đó, đã phát giải thoát tịnh, tác chứng ba minh, được sáu thần thông, thuận, nghịch đối với tám giải thoát xong, sáng sớm, dùng thần túc bay lên hư không mà đi. Nay A-nan! Tỳ-kheo khách kia thuần khiết thanh tịnh tự vui, từ trên cõi trời xuống. A-nan! Nếu hôm qua, chúng ta không cung cấp đầy đủ các thứ cần thiết cho Tỳ-kheo kia, thì Tỳ-kheo ấy sẽ không thể phát ra công đức như vậy. Cho nên do đó có thể biết, người thường không thể đạt được, chỉ có người tịnh khiết tự vui, từ trên cõi trời xuống mới có thể đạt được. Cho nên nói giải thoát tịnh rất vi diệu, duyên cũng rất vi diệu.

Hỏi: Hai chánh thọ này: Chánh thọ Vô tướng, chánh thọ tướng diệt, cả hai đều không có tâm, vì sao chánh thọ tướng diệt lập giải thoát, còn chánh thọ Vô tướng không lập?

Đáp: Vì dũng mãnh cố gắng thực hành, phần nhiều tạo ra phương tiện, nên chánh thọ tướng diệt kia được lập giải thoát, vì không dũng mãnh cố gắng thực hành, phần nhiều không tạo ra phương tiện, nên chánh thọ Vô tướng kia không được lập giải thoát.

Hoặc nói: Vì chưa từng làm, chưa từng được, chưa từng chuyển, nên chánh thọ tướng diệt kia được lập giải thoát, vì đã từng làm, từng được, từng chuyển, nên chánh thọ Vô tướng kia không được lập giải thoát.

Hoặc nói: Vì không chung, nên chánh thọ Tướng diệt kia được lập giải thoát, vì chung, nên chánh thọ Vô tướng kia không được lập giải thoát.

Hoặc nói: Vì pháp này có thể đạt được, không phải bên ngoài, nên chánh thọ tướng diệt kia được lập giải thoát, vì pháp này và bên ngoài có thể đạt được, nên chánh thọ Vô tướng kia không được lập giải thoát.

Hỏi: Làm sao biết chánh thọ Vô tướng, pháp này có thể đạt được?

Đáp: Vì có chứng, như nói: Được chánh thọ Vô tướng, hành giả kia xuất định, nghỉ ngơi, qua lại, cầm y, bát, ngọa cụ, nói năng nhỏ nhẹ, hòa nhã, uống ăn thông thả. Có Tỳ-kheo trưởng lão được điều trí quán, quán xong nghĩ rằng: Tỳ-kheo kia rất tốt đẹp, đầy đủ oai nghi lễ tiết, ta đâu thể quán Tỳ-kheo ấy được công đức gì?

Hành giả kia quán biết chính là người phạm phu, chỉ được chánh thọ Vô tướng. Biết rồi, liền xuất định, gọi Tỳ-kheo nọ đến bảo: Thầy không phải người tốt, vì thầy đã lìa bỏ các căn thiện mẫu nhiệm trong pháp Phật, để đồng hành với các dị học, đâu dùng làm gì? Ông hãy nhanh chóng dứt bỏ!

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia đã tìm rất nhiều phương tiện, muốn bỏ tâm trước đó, nhưng không thể nào bỏ được.

Có thuyết nói: Tỳ-kheo kia, thậm chí hoàn tục trở về nhà, nhưng vẫn không thể rời bỏ tâm, Tỳ-kheo đó sau khi qua đời sẽ sinh lên cõi trời Vô tướng.

Thế nên do đây có thể biết chánh thọ Vô tướng cũng được trong pháp này.

Hoặc nói: Bậc Thánh có thể đạt được, người phạm phu chẳng được, chánh thọ tướng diệt kia được lập giải thoát.

Hoàn toàn phạm phu có thể đạt được, không phải bậc Thánh, chánh thọ Vô tướng kia không lập giải thoát.

Hoặc nói: Vấn đề này, ở trước đã nói: Vì hai việc nên gọi là giải thoát:

1. Duyên chung, nối tiếp nhau không hưởng đến cửa.

2. Tâm dứt hết: Tâm chánh thọ Vô tướng kia không thể duyên tất cả chung, nối tiếp nhau không hưởng đến cửa, cũng không thể dứt hết tâm, cho nên chánh thọ tướng diệt được lập giải thoát, chánh thọ Vô tướng không lập giải thoát.

Hỏi: Vì sao Vô Sắc lập đầy đủ giải thoát, thiên giả không lập đầy đủ giải thoát?

Đáp: Vì thiên này thô có thể trông thấy, cho nên không lập đầy đủ giải thoát, Vô Sắc rất vi tế, không thể trông thấy, nên lập đủ giải

thoát.

Hoặc nói: Thiên: Có các thứ, không phải một tướng, không giống nhau, cho nên không lập đủ giải thoát. Vô Sắc: không phải các thứ, chẳng phải không là một tướng, chẳng phải không giống nhau, cho nên lập đủ giải thoát.

Hoặc nói: Vì thiên có nhiều công đức, có nhiều pháp diệu, cho nên không lập đủ giải thoát. Vô Sắc: Vì không có nhiều công đức, không có nhiều pháp diệu, cho nên lập đủ giải thoát.

Hoặc nói: Thiên được trang nghiêm do các thứ căn thiện, cho nên không lập đủ giải thoát. Vô Sắc không có các thứ căn thiện để trang nghiêm, cho nên lập đủ giải thoát.

Hoặc nói: Vì giải thoát thiên hoàn toàn hữu lậu, cho nên không lập đủ giải thoát, giải thoát của Vô Sắc: Vì có hữu lậu, vô lậu, cho nên lập đủ giải thoát.

Hỏi: Vì sao giải thoát thiên hoàn toàn hữu lậu, giải thoát của Vô Sắc thì có cả hữu lậu lẫn vô lậu?

Đáp: Giải thoát thiên được tư duy giải, giải thoát của Vô Sắc là tư duy chân thật.

Vì thế cho nên giải thoát thiên hoàn toàn hữu lậu, giải thoát của Vô Sắc thì có cả hữu lậu lẫn vô lậu.

Hỏi: Vì sao tám giải thoát, nói giải thoát tịnh, giải thoát tướng diệt, có thân tác chứng, mà không nói giải thoát khác?

Đáp: Giải thoát khác cũng nói, như kinh Đại Nhân kia có nói: A-nan! Như Tỳ-kheo đối với tám giải thoát, thân tác chứng, thuận, nghịch, thành tựu chỗ du hóa.

Do đấy có thể biết, giải thoát khác cũng nói thân tác chứng.

Hỏi: Khế kinh này nói thân tác chứng của tám giải thoát, vì sao Khế kinh khác chỉ nói thân tác chứng của hai giải thoát?

Đáp: Vì hai giải thoát này mạnh mẽ, siêng năng thực hành, tạo ra nhiều phương tiện. Do đấy nên nói thân tác chứng của hai giải thoát.

Hoặc nói: Hai giải thoát này nói là biên hạn của cõi, giải thoát tịnh là nói biên của cõi Sắc, giải thoát của tướng diệt là nói biên của cõi Vô Sắc, vì lẽ này nên như thế.

Hoặc nói: Vì hai giải thoát này được nói là biên vực của địa, giải thoát tịnh là nói biên vực của địa Tứ thiên, giải thoát của tướng diệt gọi là biên vực của địa Phi tướng, phi bất tướng.

Hoặc nói: Giải thoát thanh tịnh, nghĩa là duyên quán tịnh không khởi kiết.

Đức Thế Tôn nói: Thân nên tác chứng mà giải thoát của tướng diệt không phải tâm pháp, tức do thân được sinh, chẳng phải do tâm sinh, là thân lực có thể đạt được, tâm lực không thể đạt được. Nên Thế Tôn nói: Thân nên tác chứng.

Hoặc nói: Thế Tôn nói kinh Đại Nhân, cho là thân tác chứng của tám giải thoát, thành tựu sự du hóa: Nghĩa là tất cả sự du hóa đều do hai giải thoát, vì thế nên Đức Thế Tôn nói là giải thoát tịnh, giải thoát tướng diệt có thân tác chứng.

Có thuyết nói: : Khế kinh của Phật nói tám giải thoát là phương.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói tám giải thoát là phương?

Đáp: Vì giáo hóa. Có người được giáo hóa của Phật, cần phải nghe phương, nghe tên mới được giải thoát. Cho nên Đức Thế Tôn vì giáo hóa, nên nói tám giải thoát là phương. Như thế kinh khác nói: Vì giáo hóa nên nói để là phương, cũng thế, Đức Thế Tôn vì giáo hóa nên nói tám giải thoát là phương.

Hoặc nói: Khế kinh này nói: Có nhân, có duyên, như nói: Vua Ba-tư-nặc bảo người bắt voi: Ông là người bắt voi, hãy mau bắt con voi hoang kia, rồi bẩm báo cho ta biết! Người bắt voi vâng lời vua, đến chỗ vắng bắt voi. Bắt được voi rồi, anh ta trở lại tâu vua: Kính báo đại vương được biết, hạ thần đã bắt được voi rồi, tùy đại vương phân xử.

Bấy giờ, vua bảo người quản tượng giỏi: Ông là người chế ngự voi giỏi, hãy nhanh chóng chế ngự voi hoang này. Khi chế ngự nó rồi, hãy trở lại đây bẩm báo cho ta biết! Người chế ngự voi giỏi kia, vâng lời vua, dẫn voi hoang về để kìm chế, thuần phục. Khi điều phục rồi, trở lại trình tâu vua: Tâu đại vương! Theo lời đại vương sai bảo hạ thần điều phục voi, nay đã điều phục nó thuần rồi, xin hồi báo đại vương biết.

Lúc ấy, vua muốn thử xem voi này sau khi đã được người quản tượng chế ngự, vua cưỡi voi ra khỏi thành, voi kia từ xa thoáng thấy bầy voi cái lớn, lập tức tuôn chạy về hướng đó. Viên quản tượng giỏi kia đã cố hết sức kéo lại mà không được, mặc dù đã dùng móc sắt móc vào thịt mà voi vẫn không hề hay biết!

Lúc đó, vua bảo viên quản tượng giỏi: Ông mau mau đưa voi này về, nếu không ta sẽ mất mạng. Người quản tượng tâu: Tâu đại vương! Hạ thần đã cố hết sức chế ngự mà không thể được. Thế là vua và quản tượng đành chịu chết!

Duyên may đến đêm khi voi chạy vào rừng cây, bấy giờ, người quản tượng giỏi kia, với tay vịn lấy cành cây trao cho vua. Ở đây, vua và người chế ngự voi cùng bám lấy cành cây tuột xuống. Thấy vậy, con

voi vọt chạy đến bầy đàn.

Vua bảo người quản tượng: Ông làm sao khiến cho vua Đảnh Sinh cưỡi con voi không thể điều phục này? Người quản tượng tâu: Thiên vương nên ban cho hạ thần dung nhan oai vệ, thì con voi này sẽ điều phục rất dễ dàng! Vua bảo: Làm sao ông biết được rất dễ điều phục nó? Người chế ngự voi tâu: Tâu Thiên vương! Vì con voi kia đã quen với thức ăn của nhân gian. Vì nó ăn thức ăn ở nơi hoang vắng kia không thể bảo tồn mạng sống. Do đó, nó muốn dừng lại, tự trở lại, trở lại rồi, để cho vua thấy được lý do điều phục nó.

Lúc này, con voi hoang muốn dừng lại, bèn đến thành vua. Người quản tượng kia dẫn voi đến chỗ vua, rồi bảo voi: Ta sẽ khiến cho mi có công việc làm, mi chớ nên khuấy động. Nếu không chịu thì ta sẽ cho mi được trở lại nơi xưa đã từng sống! Con voi kia có sự hiểu biết, tức nhiên có thể vâng lời viên quản tượng, nói: Thà để cho tôi chết, chứ không muốn thấy lại những việc mà tôi đã trải qua xưa kia!

Người quản tượng bèn dùng chiếc kiếm sắt lớn gấp lấy miếng sắt to đã nung đỏ đặt lên trên đỉnh đầu voi, đốt đầu con voi, như đốt vỏ cây hoa, con voi kia không dám nhúc nhích. Lúc ấy, người quản tượng tâu vua: Thiên vương nên xem con voi mà hạ thần đã điều phục như thế. Vua Ba-tư-nặc bảo người quản tượng: Chuyện trước kia là lỗi của ai?

Quản tượng đáp: Muôn tâu Thiên vương, chuyện ấy là lỗi của tâm!

Vua bảo: Vì sao không điều ngự tâm?

Đáp: Chỉ có thể kìm chế thân, chứ không thể kìm chế được tâm!

Vua bảo: Vậy ai là người có năng lực điều phục tâm mình?

Bấy giờ, người chế ngự voi quỳ gối phải sát đất, chắp tay, mặt hướng về phía Tinh xá Kỳ-hoàn, tâu vua: Tâu Thiên vương! Phật, Thế Tôn, người đang ngự trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-Vệ này. Ngài có thể điều phục tâm mình!

Lúc đó, nhà vua có tâm đối với Đức Thế Tôn, muốn đến thăm hỏi Đức Thế Tôn. Ở đây, vua và người chế ngự voi lại cùng cưỡi con voi hoang đến vườn Cấp Cô độc trong rừng Kỳ-đà. Khi ấy, Đức Thế Tôn đang vì vô lượng trăm ngàn chúng quyến thuộc vây quanh mà nói pháp vi diệu. Khi đến đây, vua xuống voi đi bộ đến chỗ Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng phương tiện nói dụ, chứ không phải như tất cả Thanh văn, Bích-chi-Phật. Lúc đó, nhà vua từ từ bước đến gần, Đức Thế Tôn thấy rồi, bảo các Tỳ-kheo: Người nài voi, đánh voi chạy đến một nơi, hoặc Đông, Tây, Nam, Bắc và các phương. Người nài ngựa, điều ngự

ngựa chạy đến một nơi, hoặc Đông, Tây, Nam, Bắc và các phương. Người chăn bò, đánh bò chạy đến một phương, hoặc Đông, Tây, Nam, Bắc và các phương. Vô thượng sĩ, thầy của trời, người, điều ngự tất cả phương. Tất cả phương, nghĩa là sắc quán sắc là phương đầu tiên, cho đến giải thoát của tướng diệt, thân tác chứng, thành tựu chỗ du hóa là tám phương.

Vì thế, cho nên trong Khế kinh Phật gọi giải thoát là phương.

Hỏi: Sao là giải thoát như phương?

Đáp: Vì đồng tám việc, nên gọi là phương, giải thoát có tám, phương cũng có tám.

Hỏi: Như phương có mười, giải thoát có tám, sao lại nói vì đồng tám việc nên gọi là phương?

Đáp: Như người chế ngự voi kia dù có thể chế ngự tám phương nhưng không thể để nó đến phương trên, dưới, cho nên vì đồng tám sự, nên gọi là phương.

Hoặc nói: Như voi nhân phương hướng mà đến, cũng thế, người được Phật hóa là vì duyên, nên giải thoát hiện ở trước.

Tôn giả Cù-Sa nói: Giải thoát và phương, có ba việc đồng, ba việc khác.

Ba việc đồng là:

1. Như voi không chạy đến phương thì không thể điều phục, chế ngự nó. Cũng vậy, Đức Thế Tôn không vì người được hóa độ, không thể làm cho sự giải thoát hiện ở trước.

2. Như voi, và người chế ngự cùng hướng đến một phương, không đến phương khác. Cũng thế, Đức Thế Tôn vì người được hóa độ, nên khiến cho một giải thoát hiện ở trước, không phải giải thoát khác.

3. Như voi, người điều phục cùng hướng đến một phương, xa lìa phương khác. Cũng thế, Đức Thế Tôn vì người được Phật hóa, nên khiến cho một giải thoát hiện ở trước, xa lìa sự giải thoát khác. Đây là nói ba sự đồng.

Ba việc khác là:

1. Voi, không đến phương, thì không thể điều ngự. Đức Thế Tôn ngự ở một phương, vì người được hóa độ, rất muốn, khiến họ xa lìa phương khác, có thể làm cho giải thoát hiện ở trước.

2. Voi, bị chế ngự hướng tới một phương, không đi đến phương khác. Đức Thế Tôn vì tám người được Phật hóa, có thể khiến cho trong cùng một lúc, tám giải thoát hiện ở trước.

3. Voi, được chế ngự, hướng tới một phương, xa lìa phương khác.

Đức Thế Tôn vì người được hóa độ, có thể khiến cho một giải thoát hiện ở trước, sự giải thoát còn lại, đến gần là vì tập học. Đây là nói ba sự khác nhau.
Đã nói rộng lĩnh vực của tám giải thoát xong.
